

Số: /TTr-SXD

Bắc Giang, ngày tháng 11 năm 2021

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

**V/v Phê duyệt Đề án phát triển vật liệu xây dựng tỉnh Bắc Giang
thời kỳ 2021-2030, định hướng đến năm 2050**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang

Thực hiện nhiệm vụ được UBND tỉnh giao tại Quyết định số 307/QĐ-UBND ngày 09/02/2021, Sở Xây dựng đã tổ chức phối hợp với các Sở, Ban, Ngành, UBND các huyện, thành phố và đơn vị liên quan xây dựng Đề án phát triển vật liệu xây dựng tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021 - 2030, định hướng đến năm 2050. Sau khi hoàn thiện, Sở Xây dựng kính trình UBND tỉnh xem xét, phê duyệt Đề án với những nội dung chủ yếu sau:

I. Sự cần thiết phải ban hành Đề án

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có khoảng 160 doanh nghiệp, hộ cá thể hoạt động trong lĩnh vực sản xuất các loại sản phẩm VLXD như: Xi măng (2), gạch xây nung tuynel (56), gạch xây không nung (21), gạch gốm ốp lát (3), gạch chịu lửa (3), bê tông thương phẩm và cấu kiện bê tông (17), vôi (3) và 55 doanh nghiệp sản xuất, khai thác khoáng sản làm VLXD. Những sản phẩm VLXD sản xuất trong tỉnh đáp ứng phần lớn nhu cầu sử dụng VLXD trong tỉnh, một phần cung cấp cho các tỉnh lân cận. Một số chủng loại sản phẩm VLXD như: gạch gốm ốp lát, vôi công nghiệp, gạch đất sét nung, vật liệu xây không nung, vật liệu lọc, không những đáp ứng nhu cầu trong tỉnh mà còn xuất khẩu ra các thị trường trong và ngoài nước. Trong giai đoạn vừa qua, ngành sản xuất VLXD tỉnh Bắc Giang phát triển tương đối ổn định, đáp ứng đáng kể nhu cầu sử dụng sản phẩm VLXD trên địa bàn tỉnh, trong vùng và cả nước.

Tuy nhiên, hoạt động sản xuất VLXD của tỉnh Bắc Giang còn nhiều tồn tại, bất cập như: công nghệ sản xuất còn lạc hậu, sử dụng nhiều tài nguyên không tái tạo như: than, đất sét, đá vôi; mức tiêu hao năng lượng và nhiên liệu lớn; nhiều cơ sở sản xuất gây ô nhiễm môi trường, hoạt động sản xuất không gắn với vùng nguyên liệu,... Mặc dù đã có những bước tiến triển trong việc phát triển sản xuất VLXD cả về số lượng lẫn chất lượng trong thời gian vừa qua nhưng ngành sản xuất VLXD của Bắc Giang cũng có nhiều hạn chế cần khắc phục để mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội cao hơn. Do vậy, nhằm định hướng cho sự phát triển ngành VLXD của tỉnh theo hướng bền vững, sử dụng tiết kiệm tài

nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường, phù hợp với quy luật cung cầu của thị trường, định hướng cho công tác quản lý đầu tư xây dựng các dự án sản xuất VLXD có công nghệ hiện đại, năng suất, chất lượng sản phẩm cao, tiết kiệm nguyên liệu, nhiên liệu và bảo vệ môi trường để đáp ứng nhu cầu phát triển của thực tiễn và hội nhập sâu rộng cùng xu thế phát triển chung của cả vùng và toàn quốc, việc nghiên cứu xây dựng Đề án phát triển VLXD tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, định hướng đến năm 2050 là hết sức cần thiết.

Đề án sau khi được triển khai trên thực tế sẽ định hướng cho sự phát triển ngành VLXD phù hợp với đặc điểm tự nhiên và kinh tế - xã hội của tỉnh, là căn cứ để xây dựng các chương trình hành động, đề tài khoa học công nghệ trong lĩnh vực phát triển VLXD, góp phần tăng cường công tác quản lý nhà nước theo đúng các quy định tại Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14, Nghị định số 09/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý VLXD và Quyết định số 1266/QĐ-TTg ngày 18/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển VLXD Việt Nam thời kỳ 2021-2030, định hướng đến 2050.

II. Căn cứ pháp lý xây dựng Đề án

- Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24/11/2017;
- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020;
- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng;
- Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010;
- Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;
- Nghị định số 09/2021/NĐ-CP ngày 09/2/2021 của Chính phủ về quản lý VLXD;
- Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường;
- Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;
- Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường;
- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

- Quyết định 1266/QĐ-TTg ngày 18/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển VLXD Việt Nam thời kỳ 2021-2030, định hướng đến năm 2050;

- Quyết định số 05/QĐ-SXD ngày 15/10/2021 của Giám đốc Sở Xây dựng Bắc Giang về việc giao dự toán thu, chi NSNN năm 2021;

- Quyết định số 44/QĐ-SXD, ngày 10/3/2021 về việc phê duyệt Đề cương nhiệm vụ và dự toán chi phí gói thầu: Tư vấn lập Đề án phát triển vật liệu xây dựng tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, định hướng đến năm 2050;

III. Tóm tắt quá trình lập Đề án

Trong quá trình xây dựng dự thảo Đề án, Sở Xây dựng xin ý kiến của các Sở, Ban, Ngành và UBND các huyện, thành phố. Tiếp thu ý kiến kết luận của Phó Chủ tịch UBND tỉnh Lê Ô Pích tại hội nghị ngày .../.../2021. Dự thảo Đề án đã trình xin ý kiến thẩm định của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh tại hội nghị ngày 21/10/2021.

VI. Nội dung chủ yếu của Đề án

1. Tên Đề án: Đề án phát triển vật liệu xây dựng tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, định hướng đến năm 2050

2. Đối tượng nghiên cứu: Xi măng; gạch đất sét nung; vật liệu xây không nung; gạch gốm ốp lát; vôi công nghiệp; cát xây dựng.

3. Phạm vi nghiên cứu: Các dự án sản xuất VLXD trên địa bàn tỉnh Bắc Giang

4. Thời gian thực hiện Đề án: 2021-2050

5. Quan điểm phát triển

- Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư, sản xuất vật liệu xây dựng; phát triển cơ khí chế tạo cho công nghiệp vật liệu xây dựng.

- Ứng dụng khoa học công nghệ; sử dụng công nghệ tiên tiến với mức tự động hóa, cơ giới hóa cao vào sản xuất vật liệu xây dựng;

- Sử dụng hiệu quả tài nguyên khoáng sản, tiết kiệm năng lượng, nguyên liệu, nhiên liệu;

- Hạn chế tối đa ảnh hưởng môi trường trong khai thác tài nguyên khoáng sản và trong quá trình sản xuất vật liệu xây dựng;

- Gắn sản xuất vật liệu xây dựng với tái chế, tái sử dụng các phế thải công nghiệp, nông nghiệp, xử lý rác thải và bảo vệ môi trường;

- Đa dạng hóa chủng loại và mẫu mã sản phẩm; chú trọng phát triển các sản phẩm có tính năng mới và giá trị kinh tế cao.

- Các cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng (VLXD) đầu tư mới phải nằm trong các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh nhằm hình thành mạng

lưới cung ứng hợp lý cho nhu cầu tiêu thụ trên địa bàn tỉnh và hạn chế ô nhiễm môi trường.

6. Mục tiêu phát triển

a) Mục tiêu tổng quát

- Phát triển ngành công nghiệp sản xuất VLXD của tỉnh theo hướng bền vững; công nghệ tiên tiến hiện đại; đa dạng các sản phẩm VLXD; nâng cao chất lượng sản phẩm; nâng cao vị thế của ngành VLXD trong nền kinh tế;

- Loại bỏ hoàn toàn công nghệ sản xuất VLXD lạc hậu, tiêu tốn nhiều tài nguyên, gây ô nhiễm môi trường;

- Sử dụng tối đa phế thải công nghiệp, nông nghiệp, rác thải sinh hoạt trong sản xuất VLXD;

- Di chuyển doanh nghiệp đang sản xuất VLXD ngoài khu công nghiệp (KCN), cụm công nghiệp (CCN) theo lộ trình vào sản xuất trong KCN, CCN.

b) Mục tiêu cụ thể:

(Chi tiết được trình bày tại dự thảo Đề án kèm theo).

7. Giải pháp thực hiện

7.1. Nâng cao năng lực quản lý nhà nước về VLXD

- Thường xuyên làm tốt công tác tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn các văn bản Quy phạm pháp luật liên quan đến đầu tư, xây dựng, khoáng sản, đất đai và môi trường đến các cấp, các ngành, người dân và các tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn, đề nâng cao trách nhiệm quản lý của các cấp, các ngành và nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của người dân và các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực vật liệu xây dựng.

- Tiếp tục nâng cao năng lực, hiệu quả trong công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực tài nguyên khoáng sản của các cơ quan quản lý từ cấp tỉnh, cấp huyện đến cấp xã, quản lý hoạt động khai thác đất, đá, cát, sỏi trên địa bàn tỉnh thành nề nếp; ngăn chặn các hoạt động khai thác, kinh doanh, vận chuyển khoáng sản trái phép; bảo vệ nguồn khoáng sản, bảo vệ môi trường, cảnh quan thiên nhiên, đảm bảo an toàn đề điều và đảm bảo an ninh trật tự; khai thác và sử dụng nguồn đất, đá, cát, sỏi hợp lý, tiết kiệm, có hiệu quả, đóng góp vào thu ngân sách.

- Rà soát, bổ sung, hoàn chỉnh quy trình, công khai minh bạch các thủ tục hành chính về cấp phép xây dựng, giảm bớt các thủ tục không cần thiết. Nâng cao chất lượng công tác cấp phép, thường xuyên hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thẩm định, cấp giấy phép xây dựng. Nâng cao năng lực, hiệu quả thẩm định dự án, thiết kế đối với các dự án, công trình công nghiệp sản xuất VLXD, dự án khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản làm VLXD thông thường. Tiếp tục duy trì chính sách về sử dụng vật liệu xây không nung trong các công trình xây dựng theo quy định.

- Kiện toàn bộ máy làm công tác cấp phép xây dựng, quản lý trật tự xây dựng; tăng cường cơ sở vật chất và đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn, nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác thẩm định, cấp giấy phép xây dựng, công tác quản lý trật tự xây dựng nhất là Đội Quản lý trật tự Giao thông, Xây dựng và Môi trường; xây dựng quy chế phối hợp, phân công cán bộ phụ trách từng địa bàn để nắm bắt kịp thời, ngăn chặn, kiên quyết xử lý các vi phạm ngay từ đầu.

- Tăng cường trách nhiệm, thường xuyên đôn đốc, kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn, định kỳ giao cán bộ trực tiếp làm việc với Đội quản lý trật tự giao thông, xây dựng và môi trường cấp huyện để nắm bắt tình hình, kịp thời hướng dẫn, xử lý những sai phạm phát sinh.

- Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền địa phương và gắn vai trò, trách nhiệm người đứng đầu địa phương trong quản lý, bảo vệ tài nguyên đất, đá, cát, sỏi chưa khai thác trên địa bàn. Nếu để tình trạng khai thác khoáng sản trái phép kéo dài mà không có biện pháp ngăn chặn, xử lý dứt điểm thì phải kiểm điểm, đánh giá không hoàn thành nhiệm vụ trong năm.

- Tiếp tục đẩy mạnh việc phối hợp thanh tra, kiểm tra hoạt động đầu tư xây dựng, khai thác khoáng sản (đất, đá, cát, sỏi), đặc biệt là sau khi cấp giấy phép; ngăn chặn, xử lý kịp thời các hoạt động xây dựng và khai thác khoáng sản trái phép và kiên quyết xử lý tổ chức, cá nhân vi phạm (như tịch thu, phá hủy phương tiện, truy cứu trách nhiệm hình sự...) theo quy định của pháp luật. Bố trí lực lượng tuần tra (nòng cốt là cấp xã, cơ quan chức năng của huyện) tại các điểm nóng khai thác cát, sỏi trái phép để kịp thời ngăn chặn, xử lý vi phạm và bảo đảm an ninh, trật tự trên địa bàn.

7.2. Hoàn thiện cơ chế, chính sách

- Xây dựng cơ chế chính sách, sửa đổi, hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật theo hướng khuyến khích đầu tư mới, đầu tư nâng cấp, chuyển đổi công nghệ sản xuất VLXD theo hướng gia tăng năng suất, chất lượng; sử dụng tiết kiệm năng lượng, tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên; nâng cao tỷ lệ sử dụng nguyên liệu, nhiên liệu tái chế từ phế thải công nghiệp, nông nghiệp, rác thải sinh hoạt; giảm lượng phát thải để bảo vệ môi trường. Hạn chế, tiến tới dừng các hoạt động sản xuất VLXD sử dụng không hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, gây ô nhiễm môi trường.

- Khuyến khích và tạo điều kiện về chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư cho các tổ chức, cá nhân nghiên cứu phát triển, ứng dụng khoa học và công nghệ, đầu tư sản xuất VLXD tiết kiệm năng lượng, thân thiện với môi trường.

7.3. Về khoa học công nghệ

- Đẩy mạnh việc nghiên cứu phát triển sản phẩm mới, công nghệ mới, sử dụng phế thải làm nguyên liệu, nhiên liệu thay thế; giảm tiêu hao năng lượng; nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm vật liệu xây dựng.

- Đẩy mạnh việc triển khai các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư sản xuất VLXD công nghệ cao, đặc biệt là VLXD từ phế thải công nghiệp và sinh hoạt...

- Nghiên cứu phát triển các loại vật liệu xây dựng phù hợp với công nghệ thi công xây dựng hiện đại, tăng năng suất lao động, giảm giá thành công trình.

- Đẩy mạnh nghiên cứu trong lĩnh vực chế tạo cơ khí, sản xuất thiết bị, phụ tùng thay thế; tăng cường ứng dụng cơ giới hóa, tự động hóa trong sản xuất VLXD.

7.4. Về đào tạo nhân lực

- Thực hiện xã hội hóa công tác đào tạo nghề, đa dạng hóa các loại hình đào tạo nghề trong đó chú trọng đào tạo cho người lao động ngay tại các cơ sở sản xuất. Kết hợp đào tạo chuyên môn, kiến thức quản lý kinh tế với bồi dưỡng nhận thức pháp luật, phẩm chất lao động, đạo đức xã hội, ngoại ngữ, quản trị kinh doanh, marketing nhằm nâng cao khả năng ứng dụng công nghệ mới theo xu thế hội nhập được với nền kinh tế toàn cầu.

- Đa dạng hoá và mở rộng các hình thức hợp tác trong đào tạo nguồn nhân lực theo hướng gắn kết giữa cơ sở đào tạo với doanh nghiệp.

7.5. Về khai thác, sử dụng tài nguyên khoáng sản hiệu quả, tiết kiệm

- Tổ chức khai thác, chế biến hợp lý và sử dụng khoáng sản, theo phương án bảo vệ khoáng sản trên địa bàn tỉnh để nâng cao hiệu quả sử dụng và tiết kiệm tài nguyên, thực hiện công tác bảo vệ môi trường, hoàn nguyên mỏ theo quy định.

- Thực hiện đấu giá quyền khai thác khoáng sản, gắn khai thác khoáng sản với chế biến.

- Từng bước hạn chế sử dụng, sau đó nghiêm cấm sử dụng đất canh tác nông nghiệp để sản xuất gạch nung, nâng mức phí bảo vệ môi trường, thuế tài nguyên với việc khai thác đất sét sản xuất gạch.

- Hình thành các khu vực, bến bãi tập kết VLXD theo quy hoạch, cơ sở chế biến nguyên liệu đảm bảo cung cấp ổn định về chất lượng, số lượng cho cơ sở sản xuất VLXD.

7.6. Về bảo vệ môi trường

a) Đối với công tác quản lý

- Tăng cường phổ biến rộng rãi các văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Thực hiện giám sát công tác bảo vệ môi trường bằng hệ thống thông tin kết nối trực tuyến với các trạm quan trắc tự động đặt tại các nhà máy sản xuất theo quy định; tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc thực hiện các cam kết trong đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường và an toàn lao động của các cơ sở khai thác nguyên liệu và sản xuất VLXD.

- Xử lý nghiêm các cơ sở sản xuất không thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

b) Đối với công tác khai thác mỏ nguyên liệu

- Các cơ sở khai thác nguyên liệu cần phải đầu tư công nghệ tiên tiến, hiện đại.

- Có các giải pháp thiết kế mỏ đảm bảo an toàn và bảo vệ môi trường. Trong quá trình khai thác, phải đảm bảo thực hiện theo đúng thiết kế đã được duyệt.

- Thực hiện việc hoàn nguyên môi trường bằng cách hoàn trả lại mặt bằng đã khai thác, xử lý nước thải, trồng lại thảm thực vật...

c) Đối với các cơ sở sản xuất

- Đầu tư công nghệ tiên tiến, hiện đại đẩy mạnh áp dụng cơ giới hóa, tự động hóa; sử dụng công nghệ sản xuất sạch, giảm tiêu hao nhiên liệu, năng lượng, tiếng ồn, phát thải bụi, phát thải khí nhà kính trong sản xuất; tận dụng tối đa nhiệt khí thải để sấy, để phát điện, để tăng cường hiệu quả đốt cháy nhiên liệu,...;

- Xây dựng hệ thống xử lý chất thải, hệ thống quan trắc tự động nước thải, khí thải, bụi xung quanh diện phát thải và kết nối trực tuyến với cơ quan quản lý môi trường tại địa phương theo quy định;

- Chấp hành nghiêm những quy định về vận chuyển vật liệu, tránh rơi vãi vật liệu trên đường vận chuyển.

V. Kinh phí thực hiện:

- Kinh phí thực hiện Đề án: 17.000.000.000 đồng (*Mười bảy tỷ đồng*).

- Nguồn vốn: Vốn ngân sách nhà nước.

VI. Tổ chức thực hiện

Các Sở, Ban, Ngành, UBND các huyện, thành phố thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ của ngành được cụ thể hóa trong Đề án kèm theo.

Trên đây là những nội dung chủ yếu của “Đề án phát triển vật liệu xây dựng tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, định hướng đến năm 2050”, Sở Xây dựng kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét phê duyệt làm căn cứ pháp lý để triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

GIÁM ĐỐC

- Như trên;
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh;
- Các thành viên UBND tỉnh;
- Lưu: VT, LĐ Sở, KT&VLXD.

Vương Tuấn Nghĩa